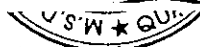


**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

*Báo cáo Tài chính
cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014
đã được soát xét*

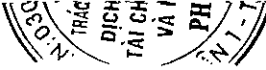


Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP	03 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán	04 - 07
- Kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có văn phòng đại diện tại số A30-A31, Đường D1, Khu dân cư Tân Hải Minh, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM.

Lĩnh vực kinh doanh: sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý kỹ gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

501129
CÔNG TY
THIỆT BỊ Y TẾ
VỤ TƯ VẤN
NH KẾ TO
JỂM TOÁN
A NAM
P. HỒ CH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2014 là -1.240.744.851 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2014 là -2.624.241.056 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính.

G.T.T.N.H.H ★ HNIW

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ông: **Bách Mộng Hà**

Giám đốc

Óng

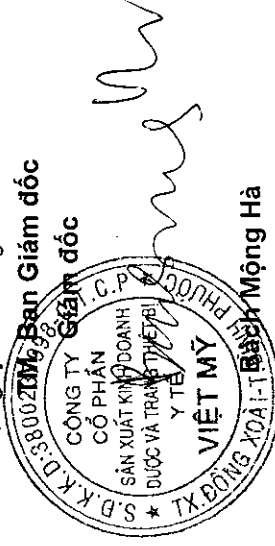
Kế toán trưởng

Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Phía Nam đã thực hiện soát xét các báo cáo tài chính cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014



Số 427. /BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014
của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 10 tháng 07 năm 2014 gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 được trình bày từ trang 04 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

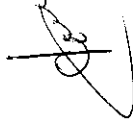
Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc soát xét để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng đầu năm 2014 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2014

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM****CƠ SỞ DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM****QUAN / - TP. HỒ CHÍ MINH****ĐỒ KHẮC THANH****Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1****Kiểm toán viên****TẠ QUANG LONG****Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2013-142-1**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

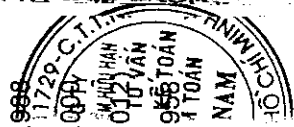
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
		Mã số	Thuyết minh
		30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)			
		100	8.492.919.153
I. Tiền và các khoản tương đương tiền			
1. Tiền		110	1.242.680.992
2. Các khoản tương đương tiền		111	1.841.647.291
		112	1.242.680.992
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	
1. Đầu tư ngắn hạn		121	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		129	
III. Các khoản phải thu		130	4.970.121.443
1. Phải thu của khách hàng		131	2.065.217.213
2. Trả trước cho người bán		132	3.322.100.230
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134	
5. Các khoản phải thu khác		138	04
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		139	
IV. Hàng tồn kho		140	1.868.462.828
1. Hàng tồn kho		141	05
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		149	
V. Tài sản ngắn hạn khác		150	625.306.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	275.886.604
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152	264.668.920
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	
4. Tài sản ngắn hạn khác		158	84.750.830
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)		200	21.447.575.615
I. Các khoản phải thu dài hạn		210	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211	
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		212	
3. Phải thu dài hạn nội bộ		213	
4. Phải thu dài hạn khác		218	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		219	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

		Đơn vị tính: VND			
Chi tiêu		Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
TÀI SẢN					
II. Tài sản cố định					
1. Tài sản cố định hữu hình		220		13.547.076.892	14.071.709.998
- Nguyên giá		221	07	2.502.010.692	2.798.948.052
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		222		6.052.066.506	6.052.066.506
2. Tài sản cố định thuê tài chính		223		(3.550.055.814)	(3.253.118.454)
- Nguyên giá		224			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		225			
3. Tài sản cố định vô hình		226			
- Nguyên giá		227	08	8.665.219.242	8.892.914.988
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		228		13.530.830.000	13.530.830.000
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		229		(4.865.610.758)	(4.637.915.012)
		230	09	2.379.846.958	2.379.846.958
III. Bất động sản đầu tư					
- Nguyên giá		240			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		241			
		242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn					
1. Đầu tư vào công ty con		250		7.616.886.834	5.016.886.834
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		251	10	5.016.886.834	5.016.886.834
3. Đầu tư dài hạn khác		252	11	2.600.000.000	
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		258			
		259			
V. Tài sản dài hạn khác					
1. Chi phí trả trước dài hạn		260		283.611.889	431.446.003
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		261	12	283.611.889	31.446.003
3. Tài sản dài hạn khác		262			
		268	13		400.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)				31.170.309.531	28.012.961.988



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

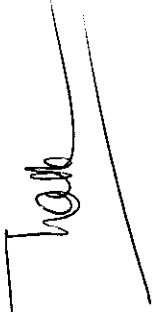
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
NGUỒN VỐN				
A . NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		11.074.257.753	6.676.165.359
I. Nợ ngắn hạn	310		1.637.723.533	5.163.031.139
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	589.592.615	500.000.000
2. Phải trả cho người bán	312		121.844.349	117.026.800
3. Người mua trả tiền trước	313		81.976.500	8.218.935
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	43.500.139	42.128.441
5. Phải trả người lao động	315		58.969.713	96.792.363
6. Chi phí phải trả	316	16	43.540.456	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn khác	319	17	698.299.761	4.398.864.600
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
II. Nợ dài hạn	330		9.436.534.220	1.513.134.220
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	9.436.534.220	1.513.134.220
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400		20.096.051.778	21.336.796.629
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	20.096.051.778	21.336.796.629
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.157.500.000	21.157.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.562.792.834	1.562.792.834
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(2.624.241.056)	(1.383.496.205)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		31.170.309.531	28.012.961.988

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
----------	-------------	------------	------------

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại
6. Dự toán chi hoạt động

Người lập biểu



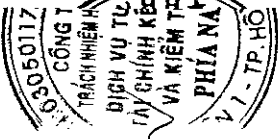
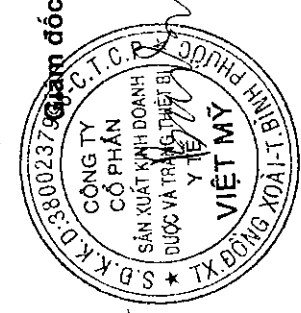
Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014



Bách Mộng Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6 tháng đầu năm 2014

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.636.060.100	4.722.574.870
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03			
10				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)			1.636.060.100	4.722.574.870
4. Giá vốn hàng bán	11	22	1.798.477.281	3.322.301.684
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(162.417.181)	1.400.273.186
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.242.519	4.688.730
7. Chi phí tài chính	22	24	121.187.745	184.824.295
Trong đó: chi phí lãi vay	23		121.187.745	182.424.450
8. Chi phí bán hàng	24		99.808.418	142.807.236
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.081.582.889	932.055.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(1.462.753.714)	145.275.072
11. Thu nhập khác	31	25	274.596.643	
12. Chi phí khác	32	26	52.587.780	12.783.314
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		222.008.863	(12.783.314)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.240.744.851)	132.491.758
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27		
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.240.744.851)	132.491.758
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(586)	63

Người lập biểu



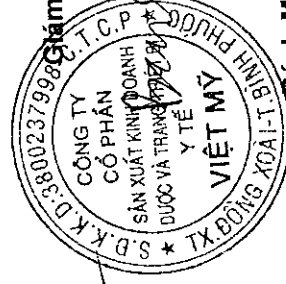
Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh

Giám đốc



Bách Mộng Hà

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

Mã số	Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 6 tháng đầu năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp		2.815.272.572 4.973.451.896
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(4.753.625.018) (1.568.102.327)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(1.256.279.651) (1.029.445.669)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(121.187.745) (182.424.450)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		451.599.613 1.564.948.630
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		(2.952.048.606) (811.088.440)
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.816.268.835) 2.947.339.640
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**

- 21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác (1.549.854.457)
- 22 2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác
- 23 3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác
- 24 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị
- 25 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (1.600.000.000)
- 26 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác
- 27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia
- 30 **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư** (1.597.757.481)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- 31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu
- 32 2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành
- 33 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được
- 34 4. Tiền chi trả nợ gốc vay (1.100.000.000)
- 35 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính
- 36 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu
- 40 **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** (1.377.432.848)

Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**

61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ

598.966.299	24.741.065
1.242.680.992	808.737.652
1.841.647.291	833.478.717

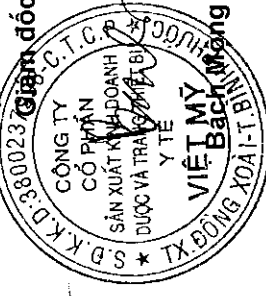
Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đặng Thị Giang

Nguyễn Văn Vĩnh



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

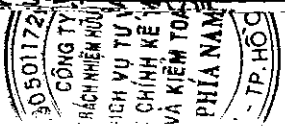
Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng số cổ phần là 2.115.750, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập là 633.880 cổ phần, loại cổ phần phổ thông, trong đó:

Tên cổ đông	Trụ sở chính	Số cổ phần
- Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời Đại diện: Ông Bách Mộng Hà.	Số 449 Võ Văn Tần, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	226.380
- Công ty INCOMEX Sài Gòn Đại diện: Ông Nguyễn Kim Lan	27 Cao Thắng, Phường 2, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.	150.000
- Bà Hoàng Oanh	Số 2, Đường 2, Phước Bình, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh.	117.000
- Ông Nguyễn Tiến Hưng	Số 39 Đường số 02 Bình Thới, Phường 8, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	92.500
- Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C Đội Cấn, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	48.000



2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

6 tháng đầu năm 2014

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

lại sản có định hữu hình, tài sản có định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn; Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích lập các quỹ theo điều lệ Công Ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí tài chính, chi phí chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái được ghi nhận khi thực tế có phát sinh và được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

030501172
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN
DỊCH VỤ TƯ
VẤN
TÀI CHÍNH KẾ
TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
1 - TP. HỒ CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN	30/06/2014	01/01/2014
Tiền		
Tiền mặt	1.314.092.546	1.088.986.652
Tiền gửi ngân hàng	527.554.745	153.694.340
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền		
Cộng	1.841.647.291	1.242.680.992
4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC		
	30/06/2014	01/01/2014
- BHXH nộp thừa		603.480
- BHYT nộp thừa		113.153
- BHTN nộp thừa		49.016
		765.649
5. HÀNG TỒN KHO		
	30/06/2014	01/01/2014
- Hàng mua đang đi đường	1.563.193.826	1.180.293.005
- Nguyên liệu, vật liệu		
- Công cụ, dụng cụ	25.370.000	300.546.861
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	245.039.314	457.804.605
- Thành phẩm	34.859.688	61.019.376
- Hàng hóa		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.868.462.828	1.999.663.847
6. TÀI SẢN NGÁN HẠN KHÁC		
	30/06/2014	01/01/2014
Chi phí trả trước ngắn hạn	275.886.604	67.337.685
- Công cụ, dụng cụ	228.467.698	57.261.495
- Phí giám sát môi trường	5.181.807	8.636.355
- Phí sửa chữa văn phòng	19.844.600	1.439.835
- Phí quản lý niêm yết	7.500.000	
- Phí bảo hộ lao động	14.892.499	
Thuế GTGT được khấu trừ	264.668.920	166.652.279
Tài sản ngắn hạn khác	84.750.830	46.462.907
- Tạm ứng	84.750.830	46.462.907
Cộng	625.306.354	280.452.871

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

7. TÀNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147			6.052.066.506
Số tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tàng khác						
Số giảm trong kỳ						
Bao gồm:						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	1.582.533.062	3.659.525.297	810.008.147			6.052.066.506
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.107.773.078	1.820.054.669	325.290.707			3.253.118.454
Số tăng trong kỳ	79.126.650	184.078.260	33.732.450			296.937.360
- Khấu hao trong kỳ	79.126.650	184.078.260	33.732.450			296.937.360
- Tàng khác						
Số giảm trong kỳ						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	1.186.899.728	2.004.132.929	359.023.157			3.550.055.814
Giá trị còn lại	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440			2.798.948.052
Tại ngày đầu năm	395.633.334	1.655.392.368	450.984.990			2.502.010.692
Tại ngày cuối kỳ						



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình			
Số dư đầu năm	4.423.000.000	9.107.830.000	13.530.830.000
Số tăng trong năm			
- Mua trong năm			
- Tặng khác			
Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
Số dư cuối năm	4.423.000.000	9.107.830.000	13.530.830.000

II. Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	91.000.000	4.546.915.012	4.637.915.012
Số tăng trong năm		227.695.746	227.695.746
- Khấu hao trong năm		227.695.746	227.695.746
- Tặng khác			
Số giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	91.000.000	4.774.610.758	4.865.610.758

III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình

Tại ngày đầu năm	4.332.000.000	4.560.914.988	8.892.914.988
Tại ngày cuối năm	4.332.000.000	4.333.219.242	8.665.219.242

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
- Công trình văn phòng Bình Dương	16.363.636	16.363.636
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước	1.572.950.638	1.572.950.638
- Nhà máy bao bì	790.532.684	790.532.684
Cộng	2.379.846.958	2.379.846.958

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2014	01/01/2014
- Công ty TNHH Sinh Học Việt Mỹ	5.016.886.834	5.016.886.834
Cộng	5.016.886.834	5.016.886.834

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT LIÊN DOANH

	Tỷ lệ	01/01/2014
	30,23%	
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	2.600.000.000	
Cộng	2.600.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

- Công cụ dụng cụ	30/06/2014	01/01/2014
- Tôn mạ màu	48.220.552	6.300.000
- Sửa chữa máy li tâm	19.558.005	25.146.003
- Sửa chữa nhà xưởng	108.888.888	
	106.944.444	
Cộng	283.611.889	31.446.003

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

- Ký quỹ thuê xe	30/06/2014	01/01/2014
		400.000.000
Cộng		400.000.000

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	30/06/2014	01/01/2014
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (1)	589.592.615	500.000.000
	589.592.615	500.000.000
Nợ ngắn hạn		
Cộng	589.592.615	500.000.000

(1) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/67412 ngày 28/06/2013.

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tại ngày 30/06/2014 là 8%/năm.
- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp	30/06/2014	01/01/2014
- Các loại thuế khác	23.008.771	
	20.491.368	
Cộng	43.500.139	

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

- Trích trước chi phí lãi vay	30/06/2014	01/01/2014
- Trích trước phí kiểm toán	3.540.454	3.902.363
- Trích trước lương tháng 13	40.000.002	65.000.000
Cộng	43.540.456	96.792.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HÀNG KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
- Bảo hiểm xã hội	15.548.130	
- Bảo hiểm y tế	2.691.023	
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.196.008	
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.250.000	41.250.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	637.614.600	4.357.614.600
+ Phải trả tiền mượn của Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ	637.614.600	637.614.600
+ Phải trả tiền giữ hộ của bà Hoàng Oanh		1.320.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Nguyễn Tuấn Huyền		1.000.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Bùi Khắc Hào		1.400.000.000
Cộng	698.299.761	4.398.864.600

18. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn	30/06/2014	01/01/2014
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (2)	1.936.534.220	1.513.134.220
- Công ty CP Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn (3)	7.500.000.000	
Cộng	9.436.534.220	1.513.134.220

(2) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/67412/HĐ ngày 28/06/2013.

- Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo từng lần vay. Tại ngày 30/06/2014 là 11,85%/năm.

- Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất sinh phẩm chuẩn đoán y tế đạt tiêu chuẩn WHO GMP và trang bị máy móc thiết bị sản xuất cho Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(3) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng hợp tác số 0103/HĐHT-2014 ngày 10/03/2014.

- Số tiền vay: 7.500.000.000 đồng

- Lãi suất: 0%/tháng

- Mục đích vay: Xây dựng nhà máy và trang bị máy móc theo tiêu chuẩn GMP - WHO. Mua trang thiết bị sản xuất. Làm hồ sơ thủ tục xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2014

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

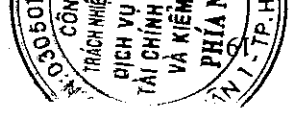
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của CSH
Thặng dư vốn cổ phần
Cổ phiếu quỹ
Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ dự phòng tài chính
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu
Lợi nhuận chưa phân phối

Số dư đầu năm trước	21.157.500.000	1.562.792.834	(1.537.313.956)
Tăng vốn trong năm trước			
Lãi (lỗ) trong năm trước			153.817.751
Tăng khác			
Tăng do trích từ lợi nhuận			
Giảm vốn trong năm trước			
Lỗ trong năm trước			
Trích lập các quỹ			
Chia cổ tức			
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát			
Giảm khác			

Số dư cuối năm trước	21.157.500.000	1.562.792.834	(1.383.496.205)
Tăng vốn trong kỳ này			
Lãi (lỗ) trong kỳ này			
Tăng do trích từ lợi nhuận			
Tăng khác			
Giảm vốn trong kỳ này			
Trích lập các quỹ			
Chia cổ tức			
Thủ lao HĐQT, Ban kiểm soát			
Giảm khác			

Số dư cuối kỳ này	21.157.500.000	1.562.792.834	(2.624.241.056)
-------------------	----------------	---------------	-----------------



BẢN THUYẾT MINH BẠO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của các đối tượng

Cộng

19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu
- + Vốn góp đầu năm

+Vốn góp tăng trong kỳ

+Vốn góp giảm trong kỳ

+Vốn góp cuối kỳ

-Cổ tức, lợi nhuận đã chia

19. d) Cỗ phầu

Số lượng có phiếu đăng ký phát hành
Số lượng có phiếu đã bán ra công chúng

- Công ty phiêu phở thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

19. e) Các quỹ của công ty:

- Quy đầu tư phát triển

- Quy định tại chính

- Quý khách thuộc vốn chủ sở hữu

Cộng:

Cuối kỳ	100%	21.157.500.000
Đầu năm	100%	21.157.500.000

6 tháng đầu năm 2014

21.157.500.000	-
21.157.500.000	-

<i>Cuối kỳ</i>	2.100.000	2.115.750	2.115.750
<i>Đầu năm</i>	2.100.000	2.115.750	2.115.750

2.115.750	2.115.750
2.115.750	2.115.750
-	-
-	-

Cuối kỳ

Dầu năm
1.562.792.834

1.562.792.834

1.562.792.834

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận của một công ty được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Một lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý cần được xác định là một bộ phận phải báo cáo khi phần lớn doanh thu phát sinh từ bán hàng ra ngoài đồng thời thoả mãn một trong các điều kiện sau:

- Tổng Doanh thu của bộ phận từ việc bán hàng ra ngoài và từ giao dịch với các bộ phận khác phải chiếm từ 10% trở lên trên tổng doanh thu của tất cả bộ phận, hoặc
- Kết quả kinh doanh của bộ phận này bất kể lãi (hay lỗ) chiếm từ 10% trở lên trên tổng lãi (hay lỗ) của tất cả các bộ phận có lãi (hoặc trên tổng lỗ của tất cả các bộ phận lỗ) nếu đại lượng nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn, hoặc
- Tài sản của bộ phận chiếm từ 10% trở lên trên tổng tài sản của tất cả các bộ phận.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Lĩnh vực kinh doanh

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đánh giá rằng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014, Công ty chỉ phát sinh doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh duy nhất là dược phẩm.

Báo cáo bộ phận thứ yếu: Khu vực địa lý

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ đánh giá rằng, trong giai đoạn 6 tháng đầu năm 2014, Công ty chỉ phát sinh doanh thu duy nhất tại thị trường Việt Nam.

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thảo mãn 1 trong 3 điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Doanh thu bán hàng	1.636.060.100	4.722.574.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng		
Cộng	1.636.060.100	4.722.574.870

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	970.085.038	3.322.301.684
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	828.392.243	
Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
Cộng	1.798.477.281	3.322.301.684

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.242.519	4.688.730

- Hoạt động đầu tư tài chính (mua bán chứng khoán...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi bán ngoại tệ
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
- Lãi bán hàng trả chậm
- Doanh thu hoạt động tài chính khác

Cộng

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
- Lãi tiền vay	121.187.745	182.424.450
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		
- Phí môi giới mua bán chứng khoán		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		2.399.845
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		
Cộng	121.187.745	184.824.295

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

25. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
- Lãi chênh lệch do đánh giá lại vốn góp	274.596.643	
- Thu nhập khác		
Cộng	274.596.643	

26. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt vi phạm hành chính, phạt nộp chậm thuế...	23.484.009	12.133.314
- Truy thu thuế	23.008.771	
- Chi phí khác	6.095.000	650.000
Cộng	52.587.780	12.783.314

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
Cộng		

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	(1.240.744.851)	132.491.758
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
Lãi (lỗ) cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(586)	63

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2014

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
- Chi phí nguyên vật liệu	562.888.317	1.143.474.280
- Chi phí nhân công	1.336.536.652	1.107.415.920
- Chi phí khấu hao TSCĐ	524.633.106	577.203.936
- Chi phí mua ngoài	720.841.518	606.255.819
- Chi phí bằng tiền khác	398.979.120	3.000.000
Cộng	3.543.878.713	3.437.349.955

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

30.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Công ty Cổ phần Thương mại Công ty liên kết Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	2.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Công ty liên kết Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Công ty liên kết Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Cho mượn tiền	51.599.613
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Hoàn tiền đặt cọc thuê xe	400.000.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	10.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	Lương và thưởng	126.300.000
- Bà Hoàng Oanh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	60.879.930

Cho đến ngày 30/06/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
- Công ty TNHH Sinh học Việt Mỹ	Công ty con	Mượn tiền	637.614.600
- Công ty Cổ phần Thương mại Công ty liên kết Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000

30.2. Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp một số tài sản để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản như sau:

Tài sản thế chấp	30/06/2014	01/01/2014
Hàng tồn kho		
Tài sản cố định hữu hình	4.332.000.000	4.332.000.000
Dây chuyền máy móc thiết bị dở dang		
Cộng	4.332.000.000	4.332.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

30.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để dồn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

350117
CÔNG TY
CH NHIỆM HU
CH VỤ TỰ
CHÍNH KẾ
KIỂM TOÁN
HÓA NẠN
TP. HỒ C

30.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014			Tổng cộng
Phải trả người bán	121.844.349		121.844.349
Vay và nợ	589.592.615	9.436.534.220	10.026.126.835
Phải trả người lao động	58.969.713		58.969.713
Chi phí phải trả	43.540.456		43.540.456
Các khoản phải trả, phải nộp khác	698.299.761		698.299.761
Cộng	1.512.246.894	9.436.534.220	10.948.781.114

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

30.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

30.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đặng Thị Giang



Nguyễn Văn Vĩnh

Bình Phước, ngày 10 tháng 07 năm 2014

 **Trưởng đốc**

